

LUẬT THƠ ĐƯỜNG

Phí Minh Tâm biên soạn

Đọc, ngâm, dịch, họa, thậm chí làm thơ Đường của Trung Hoa là một thú tiêu khiển tao nhã của người Việt Nam và vài dân tộc khác trên thế giới. Nhưng đối với người Việt thơ Đường gần gũi hơn là khi mới nhìn thoáng qua. Thơ Đường hay Đường Thi (唐詩) là thơ được sáng tác vào thời nhà Đường (618-907 Tây lịch) gần 1100 năm về trước. Do đó khi nói làm thơ Đường có lẽ ta nói đến làm một thể thơ theo luật thơ của nhà Đường. Phải gọi thể thơ đó là thơ Luật (luật thi 律詩) hay thơ Đường Luật đúng hơn là thơ Đường.

Theo cách phân chia các chương mục trong **Đường Thi Tam Bách Thủ** của Hàng Đường Thoái Sĩ (Sun Zhu 孙洙, also called **Hengtang Tui Shi** 衡塘退士), ta có thể nhận ra 6 thể thơ Đường chia làm 2 nhóm: thơ Cổ phong hay Cổ thể và thơ Luật hay thơ Đường Luật.

Cổ phong hay Cổ thể gồm 2 thể:

- Cổ phong ngũ ngôn
- Cổ phong thất ngôn

Thơ Luật hay thơ Đường Luật gồm 4 thể:

- Ngũ ngôn bát cú - 5 chữ 8 câu
- Thất ngôn bát cú - 7 chữ 8 câu
- Ngũ ngôn tuyệt cú - 5 chữ 4 câu
- Thất ngôn tuyệt cú - 7 chữ 4 câu

1. Thơ Cổ Phong Hay Cổ Thể

Thơ Cổ phong hay Cổ thể là thơ có từ nhiều thời đại trước đời nhà Đường. Thơ Cổ phong khác với thơ Đường Luật ở một điểm chính là chỉ cần vần chứ không phải tuân thủ theo luật bằng trắc và các quy định khác của thơ Đường Luật.

1.1 Vần

Thơ Cổ phong khá tự do về vần. Bài thơ có thể có nhiều vần hay chỉ có 1 vần. Bài **Xuân Tứ** của Lý Bạch chỉ có 1 vần.

春思 - 李白
燕草如碧絲
秦桑低綠枝
當君懷歸日
是妾斷腸時
春風不相識
何事入羅幃

Xuân Tứ - Lý Bạch
Yên thảo như bích ti
Tần tang đê lục chi
Đương quân hoài quy nhật
Thị thiếp đoạn trường thì
Xuân phong bất tương thức
Hà sự nhập la vi?

Dịch thơ: **Ý Xuân**
Cổ Yên mịn như tơ
Dâu Tần xanh phủ bờ
Anh mong ngày trở lại
Đứt ruột em đợi chờ
Gió Xuân¹ nào quen biết
Cớ sao lay màn tơ.

1. Gió Xuân: Gió dẫu lại lên vào phòng the hay đây là lòng rạo rục của người phụ nữ hay tin chồng đi xa sắp về.

1.2 Số Chữ Trong Câu

Thơ Cổ phong ngũ ngôn có 5 chữ trong câu và thơ Cổ phong thất ngôn có 7 chữ trong câu. Tuy nói là ngũ ngôn hay thất ngôn, thơ Cổ phong có thể có nhiều hơn hay ít hơn số chữ quy định. Bài **Hành Lộ Nan** của Lý Bạch có 2 câu 6 chữ.

行路難 李白
金樽清酒斗十千
玉盤珍羞值萬錢
停杯投箸不能食
拔劍四顧心茫然
欲渡黃河冰塞川
將登太行雪暗天
閑來垂釣碧溪上
忽復乘舟夢日邊
行路難 行路難
多歧路 今安在
長風破浪會有時
直挂雲帆濟滄海

Hành Lộ Nan - Lý Bạch

Kim tôn thanh tửu đấu thập thiên
Ngọc bàn trân tu trị vạn tiền
Đình bôi đầu trợ bất năng thực
Bạt kiếm tứ cố tâm mang nhiên¹
Dục độ Hoàng Hà băng tắc xuyên
Tương đặng Thái Hàng tuyết ám thiên
Nhàn lai thủy điếu² tọa khô thượng
Hốt phục thừa chu mộng nhật biên³
Hành lộ nan hành lộ nan
Đa kỳ lộ kim an tại
Trường phong phá lãng⁴ hôi hữu thì
Trực quải vân phàm tế thượng hải.

Dịch thơ: **Đường Đi Khó Khăn**

Rượu thơm chén quý đáng mười ngàn
Món ngon mâm ngọc giá muôn vàng
Chén dĩa buồng rơi nhai khó nuốt
Tuốt kiếm tứ bề dạ ngổn ngang
Muốn vượt Hoàng Hà băng ngăn chặn
Leo núi Thái Hàng tuyết chưa tan
Nhàn rồi thả câu trên suối lạnh
Mơ thấy lướt thuyền hướng thiên san
Đường đi khó khăn gian khổ quá
Bao nhiêu lối rẽ lối nào an
Cởi gió rẽ mây rồi có lúc
Cặng buồm vượt biển để từ nan.

1. Bốn câu đầu nói lên nỗi niềm u uất vì không có đường tiến thân.
2. Nhắc đến điển tích Lã Vọng đời Chu, 80 tuổi vẫn ngồi câu cá 10 năm ở sông Vị chờ gặp vua hiền.
3. Hướng về mặt trời, hướng về kinh đô nơi vua ở, nơi có danh vọng cao sang.
4. Nguyên văn "trường phong phá lãng" chỉ người có hoài bão lớn.

1.3 Số Câu

Thơ Cổ phong không quy định số câu trong bài. Đoàn thiên có 4, 6 hoặc 8 câu. Trường thiên có nhiều câu hơn, có từng phần mạch lạc và cấu trúc hợp lý. Bài **Tây Thi Vịnh** của Vương Duy dưới đây có 14 câu 5 chữ. Bài **Tỳ Bà Hành** của Bạch Cư Dị có 88 câu 7 chữ.

西施咏 - 王维

艳色天下重
西施宁久微
朝仍越溪女
暮作吴宫妃
贱日岂殊众
贵来方悟稀
邀人傅香粉
不自著罗衣
君宠益娇态
君怜无是非
当时浣纱伴
莫得同车归
持谢邻家子
效颦安可希

Tây Thi Vịnh - Vương Duy

Diễm sắc thiên hạ trọng
Tây Thi trữ cửu vi
Triều nhưng Việt Khê nữ
Mộ tác Ngô cung phi
Tiện nhật khởi thù chúng
Quý lai phương ngộ hi
Yêu nhân phó hương phấn
Bất tự trú la y
Quân sủng ích kiều thái
Quân liên vô thị phi
Đương thì hoán sa bạn
Mạc đắc đồng xa quy
Trì tạ lân gia tử
Hiệu tần an khả hy.

Dịch thơ: **Vịnh Tây Thi**

Thiên hạ trọng nhan sắc
Tây Thi¹ chịu kém chi
Sáng đang gái nước Việt
Chiều đã là Ngô phi
Như người trong nghèo khó
Cao sang ai sánh bì
Sai hầu tô son phấn
Tì nữ cởi xiêm y
Vua yêu thêm kênh kiệu
Vua chiều lại thị phi
Những bạn cùng giặt lụa
Cùng xe chẳng được đi
Nhấn bảo ả hàng xóm
Chau mày ăn thua gì².

1. Tây Thi lúc hàn vi giặt lụa bên suối nên được gọi là "Việt Khê nữ". Việt Vương Câu Tiễn nhờ sắc đẹp của Tây Thi làm vua Ngô là Phù Sai say đắm, bỏ bê việc nước nên mất nước vào tay Việt Câu Tiễn.

2. Tây Thi đẹp khi bị đau chau mày càng thêm đẹp. Có cô hàng xóm xấu xí bắt chước chau mày càng thêm xấu.

2. Thơ Luật hay Thơ Đường Luật

Theo luật của thơ Đường Luật, một bài thơ phải đáp ứng được các yêu cầu về luật bằng trắc, niêm vận, cấu trúc và đối xứng của bài thơ. Giá trị của bài thơ, ngoài ý tứ, được dựa chặt chẽ vào các qui định này. Thể Thất Ngôn Bát Cú (TNBC) có nhiều chữ nhất được giải thích ở đây vì phức tạp hơn hết. Dựa trên các hiểu biết về luật của thơ TNBC, luật của thơ Ngũ Ngôn Bát Cú (NNBC), Thất Ngôn Tứ Tuyệt (TNTT) và Ngũ Ngôn Tứ Tuyệt (NNTT) sẽ được trình bày bằng cách làm đơn giản hoặc bớt đi các yêu cầu của thể TNBC.

2.1 Luật Bằng Trắc

Luật Bằng Trắc gồm có: Thanh, Luật, Niêm và Vận

2.1.1 Thanh

Gồm 2 *Thanh Bằng* và *Thanh Trắc*.

2.1.1a *Thanh Bằng* (B) là những tiếng hay chữ không có dấu như: *hoa, âm, thanh...* và những tiếng hay chữ có dấu huyền (`) như: *hòa, người, trời...*

1.1b *Thanh Trắc* (T) là những tiếng hay chữ có dấu sắc ('), dấu hỏi (?), dấu ngã (~), và dấu nặng (.). Ví dụ: *lá, áo, tưởng, đỉnh, cũ, vĩ, tự, lộ...*

2.1.2 Luật

Luật của bài thơ TNBC được căn cứ vào chữ thứ 2 của câu đầu. TNBC làm theo *Luật Bằng* nếu chữ thứ 2 ở câu đầu thuộc thanh bằng và *Luật Trắc* nếu chữ thứ 2 ở câu đầu thuộc thanh trắc. Căn cứ vào thanh của chữ cuối câu đầu, bài thơ còn thuộc *Vân Bằng* hay *Vân Trắc*. Từ 2 luật và 2 vần, ta có 4 dạng thơ TNBC. Mỗi dạng thơ có những đòi hỏi về thanh của các chữ trong câu và niêm vận khác nhau. Các ký hiệu dùng dưới đây có ý nghĩa như sau:

- B : thanh bằng bất luận (xem đoạn 2.1.5)
- B** : thanh bằng phân minh và/hoặc niêm (xem đoạn 2.1.3)
- B** : thanh bằng vần (xem đoạn 2.1.4)
- T : thanh trắc bất luận
- T** : thanh trắc phân minh và/hoặc niêm

Lưu ý:

a. Vì có rất ít các bài thơ làm theo đúng 100% luật bằng trắc, các bài thơ đưa làm ví dụ chỉ có tính cách minh họa và ứng dụng biệt lệ nêu ở mục 2.1.5.

b. Một số các bài thơ được dịch theo thơ Đường Luật, nhưng không nhất thiết theo dạng của bài thơ nguyên thủy.

2.1.2a Luật Bằng Vân Trắc:

1. B **B** T T B **B** T
2. T T B **B** T T **B** (V)
3. T T B **B** B T T
4. B **B** T T T **B** **B** (V)
5. B **B** T T B **B** T
6. T T B **B** T T **B** (V)
7. T T B **B** B T T
8. B **B** T T T **B** **B** (V)

Khách Chí - Đỗ Phủ

1. Xá nam xá bắc giai xuân thủy
2. Đản kiến quần âu nhật nhật **lai**
3. Hoa kiến bất tăng duyên khách tảo
4. Bồng môn kim thủy vị quân **khai**
5. Bàn tôn thị viễn vô kiểm vị
6. Tôn tửu gia bần chỉ cự **phôi**
7. Khẳng dữ lãng ông tương đối ẩm
8. Cách ly hồ thủ tận dư **bôi**.

客至 - 杜甫
 舍南舍北皆春水
 但見群鷗日日來
 花徑不曾緣客掃
 蓬門今始為君開
 盤飧市遠無兼味
 樽酒家貧只舊醅
 肯與鄰翁相對飲
 隔籬呼取盡餘杯

Dịch thơ: Khách Đến

Phía Bắc phía Nam đầm nước xuân
 Chim âu hằng bữa viếng tưng bừng
 Lối hoa không dọn vì không khách
 Có bạn hôm nay mở cổng mừng
 Xa chợ thức ăn đành thiếu vị
 Nhà nghèo rượu ấm có không chùng
 Mời ông hàng xóm cùng nâng chén
 Dem hết ra đây rượu đã lừng.

2.1.2b Luật Bằng Vân Bằng:

1. B B T T T B B (V)
2. T T B B B T B (V)
3. T T B B B T T
4. B B T T T B B (V)
5. B B T T B B T
6. T T B B T T B (V)
7. T T B B B T T
8. B B T T T B B (V)

登金陵鳳凰台

李白

鳳凰台上鳳凰游
 鳳去台空江自流
 吳宮花草埋幽徑
 晉代衣冠成古邱
 三台半落青山外
 二水中分白鷺洲
 總為浮雲能蔽日
 長安不見使人愁

Đăng Kim Lăng Phượng Hoàng Đài

Lý Bạch

1. Phượng Hoàng đài thượng phượng hoàng du
2. Phượng khứ đài không giang tự lưu
3. Ngô cung hoa thảo mai u kính
4. Tấn đại y quan thành cổ khâu
5. Tam sơn bán lạc thanh thiên ngoại
6. Nhị thủy trung phân Bạch Lộ châu
7. Tổng vị phù vân năng tế nhật
8. Trường An bất kiến sử nhân sầu.

Dịch thơ:

Lên Đài Phượng Hoàng Ở Kim Lăng

Phượng hoàng đến viếng phượng đài¹
 Phượng đi đài vắng sông dài vẫn trôi
 Cỏ hoa phủ lối cung Ngô
 Càn đai đời Tấn thành mồ cỏ xanh
 Nửa trời ba giải thiên thanh²
 Cù lao Bạch Lộ nước quanh hai đường³
 Mây trôi che ánh thái dương
 Trường An chẳng thấy sầu vương bao tình.

1. Phượng hoàng đài xây đời nhà Tống ở nơi có chim ngũ sắc đến đậu mà người ta chola chim phượng hoàng.
2. Tam sơn ở Tây nam Kim Lăng gồm 3 ngọn núi cao, trên đỉnh có thể nhìn thấy bốn bề.
3. Bạch lộ là vùng đất suối Tân Hoài chia hai dòng chảy qua.

2.1.2c Luật Trắc Vân Bằng:

1. T T B B T T B (V)
2. B B T T T B B (V)
3. B B T T B B T
4. T T B B T T B (V)
5. T T B B B T T
6. B B T T T B B (V)
7. B B T T B B T
8. T T B B T T B (V)

積雨輞川莊作

王維

積雨空林煙火遲
 蒸藜炊黍餉東菑
 漠漠水田飛白鷺
 陰陰夏木轉黃鸝
 山中習靜觀朝槿
 松下清齋折露葵
 野老與人爭席罷
 海鷗何事更相疑

Tích Vũ Vĩng Xuyên Trang Tác

Vương Duy

1. Tích vũ không lâm yên hỏa trì
2. Chung lê xuy thử hướng đông ti
3. Mạc mạc thủy điền phi bạch lộ
4. Âm âm hạ mộc chuyển hoàng ly
5. Sơn trung tập tĩnh quan triều cấn¹
6. Tùng hạ thanh trai chiết lộ quỳ
7. Dã lão dữ nhân tranh tịch² bãi
8. Hải âu³ hà sự cánh tương nghi.

Dịch thơ:

Làm Lúc Mưa Ở Trang Vĩng Xuyên

Mưa nhiều lửa củi cháy không nhanh
 Cơm nếp canh rau nấu đã sành
 Ruộng nước bao la cò trắng lượn
 Um tùm cây cỏ tiếng hoàng oanh
 Tĩnh tâm trong núi nhìn hoa sớm
 Soạn bữa dưới thông bẻ cải xanh
 Lão có cùng ai ham đấu chấp
 Hải âu có sự ngờ lòng thành!

1. Hoa cúc là một loài hoa sớm nở tối tàn.
2. Tranh tịch: tranh chiếu ngời, tranh dành địa vị.
3. Hải âu: Sách Liệt tử có viết chuyện một người rất gần gũi với chim hải âu. Ngày nọ nghe lời cha bắt một con chim. Ngày hôm sau tất cả chim đều lánh xa.

2.1.2d Luật Trắc Vân Trắc:

1. TT BB BTT
2. BB TT TB(V)
3. BB TT BBT
4. TT BB TT(B)
5. TT BB BTT
6. BB TT TB(V)
7. BB TT BBT
8. TT BB TT(B)

Khiển Bi Hoài Kỳ Nhị - Nguyên Chân

1. Tích nhật hý ngôn thân hậu ý
2. Kim triều giai đáo nhãn tiền lai
3. Y thường dĩ phóng hành khán tận
4. Châm tuyến do tôn vị nhấn khai
5. Thượng tướng cự tình liên tỳ bộc
6. Dĩ tặng nhân mộng tổng tiền tài
7. Thành tri thứ hận nhân nhân hữu
8. Bàn tiện phu thê bách sự ai.

遣悲懷 - 元稹
 昔日戲言身後意
 今朝皆到眼前來
 衣裳已施行着矣
 針綫猶存未忍開
 尚想舊情憐婢僕
 也曾因夢送錢財
 誠知此恨人人有
 貧賤夫妻百事哀

Dịch thơ: Gợi Niềm Sâu Nhớ

Ngày xưa vui nói chuyện qua đời
 Trước mắt hôm nay xảy tới nơi
 Cho hết áo quần không giữ ngắm
 Chỉ kim còn đó sâu chưa với
 Nghĩ tình xưa cũ thương người ở
 Đốt tặng nàng tiền mơ đến chơi
 Nỗi khổ tâm này ai cũng có
 Vợ chồng nghèo khó cảnh chơi với.

2.1.3 Niêm

Niêm đòi hỏi 2 chữ ở cùng vị trí trong 2 câu khác nhau phải cùng thanh bằng hoặc thanh trắc. Ví dụ dưới đây là của bài thơ Luật Bằng Vân Bằng:

1. B B TT TB(V)
2. TT BB BT(B)
3. TT BB BT
4. B B TT TB(V)
5. B B TT BT
6. TT BB TB(V)
7. TT BB BT
8. B B TT TB(V)

2.1.3a Chữ 2 và chữ 6 trong câu 1 niêm với chữ 2 và chữ 6 trong câu 8 (các chữ màu đỏ).

2.1.3b Chữ 2 và chữ 6 trong câu 2 niêm với chữ 2 và chữ 6 trong câu 3 (các chữ màu xanh lá cây).

2.1.3c Chữ 2 và chữ 6 trong câu 4 niêm với chữ 2 và chữ 6 trong câu 5 (các chữ màu xanh dương).

2.1.3d Chữ 2 và chữ 6 trong câu 6 niêm với chữ 2 và chữ 6 trong câu 7 (**các chữ màu xanh là cây**).

Thật ra do luật bằng trắc đòi hỏi, một bài thơ đúng niêm các câu 1, 4, 5, và 8 niêm với nhau và các câu 2, 3, 6 và 7 niêm với nhau.

Các dạng thơ Luật Bằng Vân Trắc, Luật Trắc Vân Bằng và Luật Trắc Vân Trắc cũng niêm như thơ Luật Bằng Vân Bằng.

2.1.4 Vận

Vận hay vần của bài thơ là vần của những chữ cuối câu.

2.1.4a Trong bài thơ Vân Bằng, các chữ cuối câu 1, câu 2, câu 4, câu 6 và câu 8 phải là thanh bằng và cùng vần.

2.1.4b Trong bài thơ Vân Trắc, các chữ cuối câu 2, câu 4, câu 6 và câu 8 phải là thanh bằng và cùng vần.

2.1.5 Biệt Lệ

Bài thơ đúng luật không bị thất niêm (không đúng niêm) hay lạc vận (sai vần). Luật bằng trắc được áp dụng chặt chẽ trong thi cử thời xưa. Luật bằng trắc rất khó tuân thủ 100% nên trong sáng tác bình thường có thể vận dụng biệt lệ "Nhất Tam Ngũ bất luận, Nhị Tứ Lục phân minh". Nhị tứ lục phân minh có nghĩa là chữ 2, 4 và 6 trong mỗi câu phải theo đúng quy định bằng trắc của dạng bài thơ (phần 2.1.2 Luật). Nhất tam ngũ bất luận có nghĩa là các chữ 1, 3 và 5 xài thanh bằng hay trắc cũng được. Sự nới rộng này trong luật thơ Đường làm cho việc dịch và làm thơ Đường Luật có phần dễ dàng hơn.

Theo Lê Nguyễn Lưu trong *Đường Thi Tuyển Dịch*, luật thơ trong cung đình khoa cử đòi hỏi:

- bài thơ luật bằng vần bằng (2.1.2b) có câu 1 như sau: **B B T T T B B**
- bài thơ luật trắc vần trắc (2.1.2d) có câu 1 như sau: **T T B B B T T**

Nhờ có biệt lệ "nhất tam ngũ bất luận", nên dạng thơ TNBC có thể được trình bày đơn giản để các câu từ 1 đến 8 của bài thơ luật trắc giống nhau, ngoại trừ chữ cuối của câu 1 phải thuộc thanh trắc hay thanh bằng. Các bài thơ luật bằng cũng giống nhau như thế. Tóm lại 4 dạng thơ trong đoạn 2.1.2 có thể gộp lại làm 2 dạng luật trắc hay luật bằng, mỗi dạng có thanh trắc hay thanh bằng ở chữ cuối câu 1.

Thơ Luật Trắc:

1. **T T B B B/T T T/B (V)**
2. **B B T T T B B (V)**
3. **B B T T B B T**
4. **T T B B T T B (V)**
5. **T T B B B T T**
6. **B B T T T B B (V)**
7. **B B T T B B T**
8. **T T B B T T B (V)**

Thơ Luật Bằng:

1. **B B T T B/T B T/B (V)**
2. **T T B B T T B (V)**
3. **T T B B B T T**
4. **B B T T T B B (V)**
5. **B B T T B B T**
6. **T T B B T T B (V)**
7. **T T B B B T T**
8. **B B T T T B B (V)**

Xem ví dụ dưới đây về một bài thơ luật trắc áp dụng "Nhất Tam Ngũ bất luận". Bài **Lệ** của Lý Thương Ẩn luật trắc thanh bằng, rất chỉnh về niêm vận. Câu 1, câu 3, câu 4, câu 6, câu 7 và câu 8 từng chữ theo đúng luật bằng trắc. Tuy nhiên, chữ 3 câu 2, chữ 1 và 3 câu 5 (các chữ được gạch dưới) đã xử dụng "Nhất Tam Ngũ bất luận".

1. T T B B T T B (V)
2. B B I T T B B (V)
3. B B T T B B T
4. T T B B T T B (V)
5. I T B B B T T
6. B B T T T B B (V)
7. B B T T B B T
8. T T B B T T B (V)

Lệ - Lý Thương Ẩn

1. Vĩnh hạn trường niên oán ý la
2. Ly tình chung nhật tứ phong ba
3. Tương giang trúc thượng ngân vô hạn
4. Nghiễn thủ bi tiền sai kỷ đa
5. Nhân khứ Tử đài thu nhập tái
6. Binh tàn Sở tướng dạ văn ca
7. Triều lai Bá thủy kiều biên liễu
8. Vị để thanh bào tống ngọc kha.

淚 - 李商隱
永巷長年怨綺羅
离情終日思風波
湘江竹上痕無限
峴首碑前酒几多
人去紫台秋入塞
兵殘楚帳夜聞歌
朝來灞水橋邊問
未抵青袍送玉珂

Dịch thơ: Nước Mắt

*Ngõ vắng quanh năm oán lụy là
Hận tình ly biệt nhớ phong ba
Sông Tương trúc thắm bao hãn vết¹
Núi Nghiễn² trước bia lệ ướt nhoà
Gác tía³ người rời thu đến ải
Sở quân tan rã⁴ tối nghe ca
Sớm mai viếng liễu cầu sông Bá
Chưa chạm áo bào tống Ngọc Kha⁵.*

1. Bên bờ sông Tương có mọc loại tre vệt đốm như giọt nước mắt gọi là Tương phi trúc. Tục truyền sau khi vua Thuần mất, hai người vợ của vua Thuần là Nga Hoàng và Nữ Anh tìm đến bên bờ sông Tương khóc và trâm mình. Nước mắt hai người khóc thấm vào những cây trúc mọc bên bờ sông, từ đó trên thân trúc lốm đốm vết.

2. Núi Nghiễn là nơi có bia Dương Hồ đời Tấn. Dương Hồ là một vị quan liêm chính được dân chúng thương mến. Khi ông mất, người ta dựng tấm bia trên núi Nghiễn, là nơi ông thường đến ngắm cảnh, để ca ngợi công đức của ông. Sau này, người đến thăm tấm bia này thường tưởng nhớ ông mà khóc, vì vậy có người gọi là Truy lệ bi (bia rơi lệ).

3. Tử Đài (gác tía) là cung đẹp đời nhà Hán nơi Vương Chiêu Quân ở trước khi bị đi cống Hồ vì không đủ lót cho bọn quan tham ô.

4. Thời Hán Sở tranh hùng, Lưu Bang vây Hạng Võ ở Cai Hạ. Trương Lương, mưu sĩ của Lưu Bang, thối sáo ai oán và sai quân Hán hát những bài ca nước Sở làm tan rã tinh thần quân Sở. Sở quân chán nản, bỏ trốn gần hết. Hạng Võ thua làm bài Cai Hạ Ca rất bi tráng, uống rượu và hát với vợ là Ngu Cơ. Ngu Cơ dùng gương tự sát, Hạng Võ chạy đến sông Ô rồi cũng tự tử.

5. Ngọc kha là một thứ đá giống như ngọc, còn gọi là **bạch mã não**, người xưa dùng để trang sức. Ngọc Kha cũng có thể là tên một người con gái.

2.2 Cấu Trúc Của TNBC

Ngoài hình thức chặt chẽ của luật bằng trắc nói ở đoạn 2.1, một bài TNBC, gồm 56 chữ chia làm 8 câu mỗi câu 7 chữ, phải nói lên trọn vẹn một câu chuyện với một cấu trúc và đối xứng nhất định.

2.2.1 Cấu Trúc

Nội dung câu chuyện phải diễn tả theo trình tự 4 phần:

2.2.1a Đề

Đề ấn định bối cảnh cho câu chuyện sẽ được kể ra và gồm có hai phần:

- Phá đề gồm câu 1 mở đầu hoặc giới thiệu câu chuyện.
- Thừa đề gồm câu 2 nối tiếp ý cho biết thời điểm, nơi chốn...

2.2.1b Thực

Thực hoặc trạng gồm câu 3 và câu 4 nói lên ý định, nội dung bài thơ.

2.2.1c Luận

Luận gồm câu 5 và câu 6 bàn luận rộng thêm về nội dung, tả cảnh hoặc tình cảm.

2.2.1d Kết

Kết gồm câu 7 và câu 8 chuyển ý và tóm tắt, hoặc có ý mới gây xúc cảm hay tạo suy nghĩ thêm.

2.2.2 Đối Xứng

Các câu đối với nhau phải chỉnh về tình, đối về ý, âm thanh và thể loại từ ngữ... Âm thanh như trắc đối với bằng hoặc bằng đối với trắc. Thể loại từ ngữ có nghĩa là danh từ phải đối với danh từ, tính từ phải đối với tính từ, động từ phải đối với động từ, cụm từ phải đối với cụm từ...

2.2.2a Câu 3 và câu 4 phải đối nhau về ý và về từ ngữ.

2.2.2b Câu 5 và câu 6 phải đối nhau như câu 3 và câu 4.

2.2.2c Câu 1 và câu 2 cũng như câu 7 và câu 8 không phải đối nhau về ý và từ ngữ, nhưng phải đối nhau về bằng trắc.

2.2.3 Vì cần niêm 2.1.3, đối xứng 2.2.2 và để tạo âm điệu, 7 chữ trong mỗi câu thơ TNBC được chia ra 3 nhóm nhất định: 2 chữ, 2 chữ và 3 chữ. Không phải là 3, 2 và 2 như trong một thể thơ của Việt Nam.

2.3 Phân Tích Một Bài TNBC

Đề hiểu rõ cấu trúc và nguyên tắc đối xứng của một bài thơ luật TNBC không gì bằng phân tích một bài thơ hay như bài Thu Hứng của Đỗ Phủ.

秋興 - 杜甫
玉露凋傷楓樹林
巫山巫峽氣蕭森
江間波浪兼天湧
塞上風雲接地陰
叢菊兩開他日淚
孤舟一繫故園心
寒夜處處催刀尺
白帝城高急暮砧

Thu Hứng - Đỗ Phủ

1. Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm
2. Vu Sơn, Vu Giáp khí tiêu sâm
3. Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng
4. Tái thượng phong vân tiếp địa âm
5. Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ
6. Cô chu nhất hệ cố viên tâm
7. Hàn y xứ xứ thôi đao xích
8. Bạch Đế thành cao cấp mộ châm.

Dịch thơ: **Hứng Thu**
Rừng phong sương trắng cảnh tiêu điều
Hiểm trở ngàn non thu hắt hiu
Sóng vọt lưng trời sông cuộn cuộn
Mây sa mặt đất ải cô liêu
Hai lần khóm cúc khơi nguồn lệ
Một lượt con thuyền trôi dẫu yêu
Dao thước rộn ràng may áo lạnh
Chày vang thành Bạch bóng vẽ chiều.

Bài Thu Hứng theo luật trắc (chữ *lộ* trong câu 1 thanh trắc) và vần bằng (chữ *lâm* trong câu 1 thanh bằng). Niêm rất chặt chẽ. Các câu 1, 2, 4, 6 và 8 có chữ cuối đều vần *âm* thanh bằng.

2.3.1 Đề

Phá đề: Câu 1 *Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm*
Rừng phong sương trắng cảnh tiêu điều
Tả cảnh rừng cây phong mùa thu bị tiêu điều vì sương tuyết trắng.

Thừa đề: Câu 2: *Vu Sơn Vu Giáp khí tiêu sâm*
Hiểm trở ngàn non thu hắt hiu
Phát triển bối cảnh không gian của mùa thu. Vùng Vu Sơn Vu Giáp ở thượng lưu sông Trường Giang là vùng núi non hiểm trở và hùng vĩ. Mùa thu ảm đạm hiu hắt với khí hơi mù mịt khắp nơi.

2.3.2 Thực

Câu 3 và câu 4: *Giang gian ba lãng kiêu thiên dững*
Tái thượng phong vân tiếp địa âm
Sóng vọt lưng trời sông cuộn cuộn
Mây sa mặt đất ải cô liêu

Tả mùa thu trên sông, nước chảy băng băng, sóng nhỏ nhưng vọt lên tới lưng trời. Nước chảy qua vùng núi sông quanh co nhỏ hẹp lại. Trong khi đó trên cửa ải, mây sa đến sát mặt đất làm trời tối sầm lại. Mây không lơ lửng trên không trung như trong những ngày quang đãng.

Về đối, rất chỉnh về ý, về từ ngữ, cũng như về bằng trắc: *giang gian* đối với *tái thượng*, *ba lãng* đối với *phong vân*, *kiêu thiên dững* đối với *tiếp địa âm*.

2.3.3 Luận

Câu 5 và câu 6: *Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ*
Cô chu nhất hệ cố viên tâm
Hai lần khóm cúc khơi nguồn lệ
Một lượt con thuyền trôi dẫu yêu

Gói ghém tâm sự của thi nhân trước cảnh mùa thu, đã xa quê hương 2 năm, đã từng khóc vì nhớ quê nhà. Hôm nay trên đường về quê, thuyền lại không đi được, bị cột chặt một chỗ và trôi buộc lòng nhớ quê hương theo thuyền.

Về đối, *tùng cúc* đối với *cô chu*, *lưỡng khai* đối với *nhất hệ*, *tha nhật lệ* đối với *cố viên tâm*.

2.3.4 Kết

Câu 7 và câu 8: *Hàn y xứ xứ thôi đao xích*
Bạch Đế thành cao cấp mộ châm
Dao thước rộn ràng may áo lạnh
Chày vang thành Bạch bóng về chiều.

Chuyển ý và tóm lược, mùa thu buồn không phải chỉ riêng cho tác giả vì chưa về được quê hương. Thời nhà Đường là thời chiến tranh triền miên. Dấu hiệu của sự nhớ nhung vì xa cách ở khắp nơi nơi: kéo thước rộn ràng, chày giặt áo quần dội vang trong thành. Người ta may, giặt áo lạnh để kịp thời gởi ra biên thùy cho chồng, cho con, cho người thương yêu mặc vào mùa đông lạnh sắp đến.

3. Luật Thơ Ngũ Ngôn Bát Cú

Luật cho thơ NNBC cũng giống như luật cho thơ TNBC về bằng trắc, niêm, vận, cấu trúc và đối xứng. Bỏ yêu cầu dành cho 2 chữ đầu của mỗi câu trong một bài TNBC, ta sẽ có quy định dành cho thơ NNBC.

Biệt lệ cho luật bằng trắc trở thành "Nhất Tam bất luận, Nhị Tứ phân minh". Nhị tứ phân minh có nghĩa là chữ 2 và 4 trong mỗi câu phải theo đúng quy định bằng trắc của dạng bài thơ. Nhất tam bất luận có nghĩa là các chữ 1 và 3 xài thanh bằng hay trắc cũng được.

Niêm ở chữ 2 và 4 áp dụng cho các cặp 2 câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7.

Vận ở chữ cuối câu 1, 2, 4, 6 và 8 cho thơ vận bằng và ở các câu 2, 4, 6 và 8 cho thơ vận trắc.

Cấu trúc bài thơ gồm 4 phần như thơ TNBC: đề, thực, luận và kết.

Hai câu 3 và 4 cũng như hai câu 5 và 6 phải đối nhau về ý, về từ hay cụm từ và về bằng trắc.

3.1 Luật Bằng Trắc

3.1a Luật Trắc Vận Trắc:

1. B B T T B B T
2. T T B B T T B (V)
3. T T B B B T T
4. B B T T T B B (V)

Lữ Túc - *Đỗ Mục*

1. Lữ quán vô lương bạn
2. Ngưng tình tự tiểu nhiên
3. Hàn đẳng tư cựu sự
4. Đoạn nhận cảnh sầu miên

5. B B T T B B T
6. T T B B T T B (V)
7. T T B B B T T
8. B B T T T B B (V)

旅宿-杜牧
 旅館無良伴
 凝情自悄然
 寒燈思舊事
 斷雁警愁眠
 遠夢歸侵曉
 家書到隔年
 滄江好煙月
 門繫釣魚船

5. Viễn mộng qui tâm hiểu
6. Gia thư đáo cách niên
7. Thương giang hảo yên nguyệt
8. Môn hệ điều ngư thuyền

Dịch thơ: **Đêm Nơi Quán Trọ**
 Quán trọ điều hiu thiếu bạn hiền
 Tâm tư khép chặt nỗi niềm riêng
 Bên đèn leo lét ôn sầu cũ
 Tiếng nhạn kêu tan giấc ngủ yên
 Tỉnh giấc hoài hương trời chập sáng
 Hơn năm nhận được thư nhà biên
 Trên sông rét lạnh trăng mờ tỏa
 Ngoài cửa quán đêm một khách thuyền.

3.1b Luật Trắc Vần Bằng:

1. T T T B B (V)
2. B B B T B (V)
3. B B B T T
4. T T T B B (V)
5. T T B B T
6. B B T T B (V)
7. B B B T T
8. T T T B B (V)

Nguyệt Dạ Xá Ưc Đệ - Đỗ Phủ

1. Thú cổ đoạn nhân hành
2. Thu biên nhất nhạn thanh
3. Lộ tông kim dạ bạch
4. Nguyệt thị cố hương minh
5. Hữu đệ giai phân tán
6. Vô gia vãn tử sinh
7. Ký thư trường bất đạt
8. Huống nãi vị hưu binh.

月夜憶舍弟-杜甫

戍鼓斷人行
 秋邊一雁聲
 露從今夜白
 月是故鄉明
 有弟皆分散
 無家問死生
 寄書長不達
 況乃未休兵

Đêm Trăng Nhớ Em

Trống dồn dứt vết chân đi
 Nhạn thu một tiếng biên thùy bi ai
 Đêm nay sương trắng đã rơi
 Quê xưa giờ vẫn sáng ngời bóng trăng
 Có em, đều đã chia tanⁱ
 Không nhà mà đến hỏi thăm mất còn
 Gửi thư, chẳng biết tới luôn
 Huống chi chinh chiến nay còn chưa thôi.

Bản dịch: **Trần Trọng San**

1. Đỗ Phủ có 2 người em, một sống ở đất Hứa, một ở tận Tề.

3.1c Luật Bằng Vần Bằng:

1. B B T T B (V)
2. T T T B B (V)
3. T T B B T
4. B B T T B (V)
5. B B B T T
6. T T T B B (V)
7. T T B B T
8. B B T T B (V)

Phong vũ - Lý Thương Ẩn

1. Thê lương Bảo Kiếm thiên
2. Kỳ bạc dục cùng niên
3. Hoàng diệp nhưng phong vũ
4. Thanh lâu tự quản huyền
5. Tân tri tao bạc tục
6. Cựu hảo cách lương duyên
7. Tâm đoạn tân phong tử
8. Tiêu sầu đấu kỷ thiên.

風雨 - 李商隱

淒涼寶劍篇
 羈泊欲窮年
 黃葉仍風雨
 青樓自管絃
 新知遭薄俗
 舊好隔良緣
 心斷新豐酒
 銷愁斗幾千

Dịch thơ: **Mưa Gió**

Vấn nghiệp quả thế lương¹
 Cuối năm lấm đọan trường
 Lá vàng bay lác đác
 Đàn sáo vẫn như thường.
 Bạc bể nay đã biết
 Người xưa tốt nhớ thương
 Rượu nồng lòng hứa đọan
 Ngàn chén hết sầu vương.

1. Trần Uyển Tuấn chú: Quách Chấn theo chỉ thị của Võ hậu bảo làm văn, dâng bài Bảo kiếm. Câu này ý nói nghiệp văn chương thật thâm thương.

3.1d Luật Bằng Vân Trắc:

1. B B B T T
2. T T T B B (V)
3. T T B B T
4. B B T T B (V)
5. B B B T T
6. T T T B B (V)
7. T T B B T
8. B B T T B (V)

Quá Hương Tích Tự - Vương Duy

1. Bất tri Hương Tích tự
2. Sở lý nhập vân phong
3. Cổ mộc vô nhân kính
4. Thâm sơn hà xứ chung
5. Tuyên thanh yết nguy thạch
6. Nhật sắc lãnh thanh tùng
7. Bạc mộ không đàm khúc
8. An thiền chế độc long.

過香積寺 - 王維

不知香積寺
 數里入雲峰
 古木無人徑
 深山何處鐘
 泉聲咽危石
 日色冷青松
 薄暮空潭曲
 安禪制毒龍

Qua Chùa Hương Tích

Nào biết ở đâu Chùa Hương Tích¹
 Đi qua mấy đỉnh sương mù mịt
 Người không bóng dáng toàn cây cổ
 Văng vẳng hồi chuông soi tĩnh mịch
 Róc rách suối reo trên thềm đá
 Bóng ngày đem lạnh tùng xanh rịt
 Hoàng hôn phủ xuống khuỷu đầm vắng
 Tinh tấn hành thiền tam độc tị².

1. Chùa Hương Tích ở hang Tý Ngọ, phía nam Trường An tỉnh Thiểm Tây.
2. Độc long tượng trưng cho những đam mê ham muốn. Theo Phật pháp, tam độc: tham, sân và si ngăn cản con người trên con đường tu tập và thiền định đem lại trí tuệ giải thoát, khắc phục được độc long.

3.2 Phân Tích Một Bài NNBC

終南別業

王維

中歲頗好道
 晚家南山陲
 興來每獨往
 勝事空自知
 行到水窮處
 坐看雲起時

Chung Nam Biệt Nghiệp

Wang Duy

Trung tuế phã hảo đạo
 Vãn gia nam san thùy
 Hưng lai mỹ độc vãng
 Thặng sự không tự tri
 Hành đáo thủy cùng xứ
 Tọa khán vân khởi thì

偶然值林叟
談笑無還期

Ngẫu nhiên trực lâm tẩu
Đàm tiếu vô hoàn kỳ.

Sống Một Mình Ở Núi Chung Nam

*Thấy đạo tuổi trung niên
Nam Sơn nhà kế hiên
Thanh nhàn thích dạo cảnh
Sử nghiệp tự biết riêng
Ngược dòng đến nguồn suối
Ngồi ngắm mây thanh thiên
Nẻo vắng gặp tiêu lão
Cười nói như bạn hiền.*

Bài **Chung Nam Biệt Nghiệp** với nhiều màu sắc tôn giáo là một trong những tuyệt phẩm của Vương Duy.

3.2.1 Niêm

Đúng theo niêm luật, chữ 2 và 4 câu 1 phải niêm với chữ 2 và 4 câu 8. Chữ 2 và 4 câu 2 phải niêm với chữ 2 và 4 câu 3. Chữ 2 và 4 câu 4 phải niêm với chữ 2 và 4 câu 5. Chữ 2 và 4 câu 6 phải niêm với chữ 2 và 4 câu 7. Ở đây, bài thơ vẫn hay dù một số câu không niêm nhau chặt chẽ như luật đòi hỏi.

3.2.2 Vận

Chữ cuối câu 1 là vần trắc, nên chỉ cần chữ cuối câu 2, 4, 6 và 8 cùng vần là **thù, tri, thi** và **kỳ**.

3.2.3 Cấu Trúc

Cấu trúc bài thơ luật 8 câu gồm 4 phần: đề, thực hoặc trạng, luận và kết.

3.2.3a Đề

Đề, gồm phá đề là câu 1 và thừa đề là câu 2, ấn định bối cảnh cho câu chuyện sẽ được kể ra.

*Trung tuế phã hảo đạo
Vãn gia nam san thù*

Ở đây bối cảnh là thời gian và không gian. Phá đề xác định thời lúc Vương Duy gặp được đạo tốt. Thừa đề nhân câu 1 mà chuyển qua một ý khác làm bối cảnh được rõ ràng hơn. Vị trí là nhà ở nơi thanh tịnh dưới chân núi Chung Nam.

3.2.3b Thực

Thực hoặc trạng gồm câu 3 và câu 4 nói lên ý định, nội dung bài thơ. Hai câu phải đối nhau về âm, ý và chữ.

*Hưng lai mỗi độc vãng
Thẳng sự không tự tri*

Khi hứng thú đi dạo và thưởng thức thẳng cảnh. Hoặc suy tư về sự thành bại của cuộc đời và cho rằng tất cả là rỗng không. Xét thấy: hưng lai đối với thẳng sự, mỗi đối với không, độc vãng đối với tự tri. Đây không chỉ là cách đặt chữ, mà đối ý làm cho nghĩa nổi bật ra.

3.2.3c Luận

Luận gồm câu 5 và câu 6 bàn luận rộng thêm về nội dung, tả cảnh hoặc tình cảm. Hai câu này cũng phải đối nhau về âm, ý và nghĩa cũng như hai câu 3 và 4.

*Hành đáo thủy cùng xứ
Toạ khán vân khởi thì*

Đi cho đến chỗ nước cùng hoặc ngồi nhìn mây bay. Đặt hai câu đối nhau cho người đọc có ý niệm đi ngắm và ngồi nhìn cũng thanh nhàn như nhau. Vương Duy thường thức cảnh thanh nhàn và nói lên sự hài hòa giữa con người và thiên nhiên.

3.2.3d Kết

Kết gồm câu 7 và câu 8 chuyển ý và tóm tắt, hoặc có ý mới gây xúc cảm hay tạo suy nghĩ thêm. Hai câu này không nhất thiết phải đối nhau như các câu trên, nhưng cũng phải tuân theo luật bằng trắc.

*Ngẫu nhiên trực lâm tẩu
Đàm tiếu vô hoàn kỳ.*

Tình cờ gặp nhau mà nói chuyện vui vẻ đến quên giờ về. Người không chủ tâm, sống hồn nhiên, giản dị thường tâm đầu ý hợp dù không quen nhau lâu. Vương Duy nói đến và khuyến khích sự hòa hợp giữa người và người.

4. Luật Thơ Thất Ngôn Tứ Tuyệt

Thơ Tứ tuyệt còn được gọi là thơ Tuyệt cú. TNTT có 4 câu 7 chữ. Luật cho TNTT giống y như luật áp dụng cho 4 câu đầu hay 4 câu cuối của TNBC, giống nhau về luật bằng trắc, về niêm, về vận. Tuy nhiên ta không thể ngắt một bài TNBC ra làm 2 bài TNTT. Ngược lại cũng không thể lấy 2 bài TNTT ráp lại thành một bài TNBC dù vẫn có phù hợp. Thơ TNTT có cấu trúc giống như TNBC, có 4 phần: đề, thực, luận và kết rõ ràng. Đối xứng không bắt buộc.

4.1 Luật Bằng Trắc

4.1a Luật Bằng Vận Trắc:

1. B B T T B B T
2. T T B B T T B (V)
3. T T B B B T T
4. B B T T T B B (V)

红鹦鹉 - 白居易
安南远进红鹦鹉
色似桃花语似人
文章辩慧皆如此
笼槛何年出得身

Hồng Anh Vũ - Bạch Cư Dị

1. An Nam viễn tiến hồng anh vũ
2. Sắc tự đào hoa ngữ tự nhân
3. Văn chương biện tuệ giai như thử
4. Lung hạm hà niên xuất đắc thân.

Dịch thơ: Con Vẹt Đỏ

Nước Nam¹ triều cống vẹt màu hồng
Lông tợ hoa đào tiếng nói trong
Lý luận nghị suy như đó vậy
Bao giờ biết cách thoát ngoài lồng².

1. Nước Nam ta lệ thuộc nước Tàu vào đời Nhà Đường và hàng năm phải triều cống. Năm 679, Đường Cao Tông đổi tên đất Giao Châu thành An Nam Đô Hộ Phủ.

2. Câu thơ của Bạch Cư Dị là một thách thức và cũng là một lời tiên đoán cho nền tự chủ của Việt Nam đối với Trung Hoa.

4.1b Luật Bằng Vần Bằng:

1. B **B** T T T **B B** (V)
2. T T **B B** B T **B** (V)
3. T T **B B** B T T
4. B **B** T T T **B B** (V)

泊秦淮 - 杜牧
煙籠寒水月籠沙
夜泊秦淮近酒家
商女不知亡國恨
隔江猶唱後庭花

Bạc Tân Hoài - Đỗ Mục

1. Yên lung hàn thủy nguyệt lung sa
2. Dạ bạc Tân Hoài cận tửu gia
3. Thương nữ bất tri vong quốc hận
4. Cách giang do xướng Hậu Đình Hoa

Dịch thơ: **Đậu Bến Tân Hoài**

Khói mờ trên nước cát trắng hòa
Đậu bến Tân Hoài¹ cạnh tửu gia
Cô hát biết đâu hờn mất nước
Bên sông còn hát khúc Đình Hoa².

1. Tân Hoài: tên con sông từ tỉnh Giang Tô chảy lên phía Bắc vào sông Trường Giang.
2. Hậu Đình Hoa: tên khúc hát lãng mạn đời truy sáng tác trong một buổi tiệc của vua Trần Hậu Chủ và Vương Quý Phi thời Nam Bắc triều.

4.1c Luật Trắc Vần Bằng:

1. T T **B B** T T **B** (V)
2. B **B** T T T **B B** (V)
3. B **B** T T **B B** T
4. T T **B B** T T **B** (V)

楓橋夜泊 - 張繼
月落烏啼霜滿天
江楓漁火對愁眠
姑蘇城外寒山寺
夜半鐘聲到客船

Phong Kiều Dạ Bạc - Trương Kế

1. Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
2. Giang phong ngư hỏa đối sầu miên
3. Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn tự
4. Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền.

Dịch thơ: **Tôi Đậu Bến Phong Kiều**¹

Trăng lặn quạ kêu sương phủ mờ
Đèn chài leo lét rặng phong mơ
Chùa² vắng vẳng khuya vọng lại
Đến tận thuyền ai³ gợi ý thơ.

1. Phong kiều ở phía Tây thành Cô Tô (Tô Châu) tỉnh Giang Tô.
2. Chùa Hàn Sơn ở phía Đông Phong Kiều ngoài thành Cô Tô.
3. Thuyền khách đây là thuyền của thi nhân với tâm trạng buồn vì vừa thi hỏng, trên đường trở về nhà ghé bên Phong Kiều ngủ đêm.

4.1d Luật Trắc Vần Trắc:

1. T T **B B** B T T
2. B **B** T T T **B B** (V)
3. B **B** T T **B B** T
4. T T **B B** T T **B** (V)

絕句 - 杜甫
兩個黃鸝鳴翠柳
一行白鷺上青天
窗含西嶺千秋雪
門泊東吳萬里船

Tuyệt Cú - Đỗ Phủ

Lưỡng cá hoàng ly minh thúy liễu
Nhật hàng bạch lộ thượng thanh thiên
Song hàm Tây Lĩnh thiên thu tuyết
Môn bạc Đông Ngô vạn lý thuyền.

Dịch thơ: **Tuyệt Cú**

Liễu thắm chim vàng đôi sánh hót
Trời xanh cò trắng một hàng bay
Nghìn thu tuyết lạnh núi¹ che phủ
Vạn chiếc thuyền Ngõ² sông đậu đầy.

1. Tây Lĩnh: còn gọi là núi Mân, có nơi còn nói là núi Nga Mi ở phía tây đất Thục.
2. Đông Ngõ: nước của Tôn Quyền trong thời Tam Quốc

4.2 Cấu Trúc Của TNTT

Nội dung của TNTT được gói ghém trong 4 câu 7 chữ cũng phải diễn tả theo trình tự 4 phần:

4.2a Đề: gồm câu 1

Đề giới thiệu ấn định bối cảnh cho câu chuyện sẽ được kể ra : thời điểm, nơi chốn...

4.2b Thực hay trạng: gồm câu 2

Thực nói lên ý định, nội dung bài thơ...

4.2c Luận: gồm câu 3

Luận bàn luận rộng thêm về nội dung, tả cảnh hoặc tình cảm.

4.2d Kết: gồm câu 4

Kết chuyển ý và tóm tắt, hoặc có ý mới gây xúc cảm hay tạo suy nghĩ thêm.

5. Luật Thơ Ngũ Ngôn Tứ Tuyệt

Thơ NNTT có quy định về bằng trắc, niêm, vận giống 4 câu đầu hay 4 câu cuối của thơ NNBC. Về cấu trúc, NNTT cũng giống như TNTT. Với 4 câu 5 chữ, một bài NNTT phải kể một câu chuyện đầy đủ lớp lan.

5a Luật Trắc Vân Trắc:

1. T T B B T
2. B B T T B (V)
3. B B B T T
4. T T T B B (V)

魯中都東樓醉

李白

昨日東樓醉

還應倒接籬

阿誰扶上馬

不省下樓時

Lỗ Trung Đô Đông Lâu Túy

Lý Bạch

1. Tạc nhật đông lâu túy
2. Hoàn ứng đảo tiếp ly¹
3. A thùy phù thượng mã
4. Bất tỉnh hạ lâu thì.

Dịch thơ:

Say Rượu Ở Lầu Đông

Say ở lầu Đông đêm tối qua

Về nằm vắt vẻo bên rào nhà

Kèm cương lên ngựa ai người giúp

Giờ lúc xuống lầu nhớ chẳng ra.

1. Dị bản có câu 2 "Quy lai đảo tiếp ly" với nghĩa: Về đến nhà mới biết đội khăn mũ ngược.

Ly (四/离) cổ ngữ nghĩa như khăn quần đầu.

5b Luật Trắc Vân Bằng:

1. T T T B B (V)
2. B B B T B (V)
3. B B B T T
4. T T T B B (V)

Xuân Oán - Kim Xương Tự

1. Đà khởi hoàng oanh nhi
2. Mạc giao chi thượng đề
- 3, Đề thì kinh thiệp mộng,
4. Bất đặc đảo Liêu Tây.

春怨-金昌緒
打起黃鶯兒
莫教枝上啼
啼時驚妾夢
不得到遼西

Dịch thơ: **Oán Xuân**
Hoàng oanh ơi hãy bay đi
Véo von ca hát vui gì xuân sang
Làm ta tỉnh giấc mơ màng
Liêu Tây¹ muốn tới gặp chàng bấy lâu.

1. Liêu Tây là một đồn đòir Tần. Thiều phụ muốn mơ đến gặp chồng nên trách con chim đã đánh thức mình.

5c Luật Bằng Văn Bằng:

1. B **B** T T **B** (V)
2. T T T **B** **B** (V)
3. T T B **B** T
4. B **B** T T **B** (V)

Phần Thượng Kinh Thu - Tô Đỉnh

1. Bắc phong xuy bạch vân
2. Vạn lý độ hà Phần
3. Tâm tư phùng dao lạc
4. Thu thanh bất khả văn.

汾上惊秋-苏挺
北风吹白云
万里渡河汾
心绪逢摇落
秋声不可闻

Dịch thơ: **Ngại Thu Trên Sông Phần**
Gió Bắc thổi mây trắng
Vạn dặm trên sông Phần¹
Tâm tư đang trĩu nặng
Tiếng thu chẳng ân cần.

1. Sông Phần ở Thiểm Tây.

5d Luật Bằng Văn Trắc:

1. B **B** B T T
2. T T T **B** **B** (V)
3. T T B **B** T
4. B **B** T T **B** (V)

Tống Biệt - Vương Duy

1. Sơn trung tương tổng bãi
2. Nhựt mộ yểm sài phi
3. Xuân thảo minh niên lục
4. Vương tôn qui bất qui

送別 - 王維
山中相送罷
日暮掩柴扉
春草明年綠
王孫歸不歸

Dịch thơ: **Tiến Biệt**
Tiến biệt giữa núi đồi
Khép cửa¹ đã tối trời
Cỏ xuân xanh trở lại
Về không với núi đồi.

1. Sài phi: cửa nhỏ làm bằng củi gỗ của nhà nghèo.